

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST  
Ngày 07-8-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/KDTM-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* NN NN và PTNT VN(Agribank); trụ sở chính: Số 02, LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc H - Giám đốc NN NN và PTNT VN chi nhánh NAD Hải Phòng; ông H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T; nơi cư trú: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị D; nơi cư trú: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị M; nơi cư trú: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

3. Chị Phạm Thị D; sinh quán: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 4, xã QC, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Văn B- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thái Thành; vắng mặt.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là NN NN và PTNT VN(Agribank) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07-12-2010, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Nam Am Hải Phòng (nay đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh NAD Hải Phòng) sau đây gọi tắt là Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 2118LAV201001537, nội D : Ngân hàng cho ông Phạm Văn T , sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán thuốc Lào, kết hợp chăn nuôi lợn, bò để thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông Phạm Văn T rút tiền vay lần đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng là ngày 09-12-2010; lãi suất vay: 20,4%/năm. Đến kỳ trả nợ, hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu ông T không thanh toán trả gốc và lãi thì ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07-12-2010 giữa ông Phạm Văn T cùng vợ là bà Đỗ Thị D (Bên thế chấp) và NN NN và PTNT VN- chi nhánh NAD Hải Phòng (Bên nhận thế chấp). Cụ thể tài sản thế chấp: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng 363m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà cùng các tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T . Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB, thành phố Hải Phòng. Sau khi ký kết các hợp đồng trên, ngân hàng đã giải ngân cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) vào ngày 09-12-2010. Đến nay, vợ chồng ông T bà D mới thanh toán trả ngân hàng 5.250.000 đồng tiền gốc, các lần trả tiền gốc: Ngày 09-12-2011 trả 5.000.000 đồng; ngày 28-11-2014 trả 50.000 đồng; ngày 31-01-2015 trả 100.000 đồng; ngày 23-6-2015 trả 100.000 đồng và trả 65.386.667 đồng tiền lãi vào các ngày: Ngày 15-12-2010 trả 1.586.667 đồng; ngày 19-01-2011 trả 8.400.000 đồng; ngày 08-02-2011 trả 4.800.000 đồng; ngày 01-3-2011 trả

5.040.000 đồng; ngày 30-4-2011 trả 14.400.000 đồng; ngày 31-8-2011 trả 31.160.000 đồng. Từ ngày 10-12-2011 ngân hàng đã chuyển số tiền ông T vay sang nợ quá hạn. Tổng dư nợ tín dụng của ông T theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 07-8-2020 bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi, cụ thể như sau: Tiền gốc: 394.750.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07-8-2020 là 751.735.823 đồng, trong đó: Lãi trong hạn là: 509.871.354 đồng, lãi quá hạn là: 241.864.469 đồng, tổng cộng: 1.146.485.823 đồng, vợ chồng ông T, bà D chưa trả cho Ngân hàng.

Kể từ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng liên tục có thông báo và công văn đôn đốc nợ. Mặt khác ngân hàng cũng đã mời vợ chồng ông T, bà D lên trụ sở ngân hàng NAD Hải Phòng để làm việc nhiều lần. Các lần làm việc đều có biên bản cũng như thông báo về việc quản lý tài sản thế chấp, song ông T, bà D không chấp hành. Ngày 08-3-2012 ngân hàng cùng với chính quyền địa phương xã LH, huyện VB đã đến gia đình ông Phạm T niêm phong tài sản, yêu cầu thanh toán nợ, sau đó gia đình ông T xin ở nhờ tài sản thế chấp để trả nợ dần nên ngân hàng không niêm phong tài sản nữa. Việc vợ chồng ông T bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Vì vậy ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T cùng vợ là bà Đỗ Thị D phải thanh toán trả số tiền gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng là 394.750.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07-8-2020 là 751.735.823 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 509.871.354 đồng, lãi quá hạn: 241.864.469 đồng và lãi phát sinh từ ngày 08-8-2020 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Phạm Văn T cùng bà Đỗ Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07-12-2010 là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 363m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà cùng các tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong T ong lai tại thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T, để thu hồi vốn cho Ngân hàng theo đúng như cam kết. Trường hợp số tiền phát mại từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông T bà D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết khoản vay.

Tại bản tự khai, các văn bản khác và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Ngày 07-12-2010, ông Phạm Văn T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2118LAV201001537 với NN NN và PTNT VNchi nhánh NAD Hải Phòng để vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay tiền để vợ chồng ông mua bán thuốc lá, kết hợp chăn nuôi lợn, bò thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông T rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 20,4%/năm. Ngày 09-12-2010 ngân hàng đã giải ngân cho ông vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan

phát sinh theo hợp đồng nói trên, ông cùng vợ là bà Đỗ Thị D đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng 363m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà cùng tài sản gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong Tờng lai tại số thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07-12-2010. Tài sản thế chấp này là của vợ chồng ông và hai con là Phạm Thị M, Phạm Thị D. Do làm ăn không thuận lợi, chăn nuôi dịch bệnh kéo dài nên gia đình ông mới thanh toán trả ngân hàng 5.250.000 đồng tiền gốc và 65.386.667 đồng lãi. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải thanh toán trả nợ số tiền gốc là 364.500.000 đồng gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, ông đồng ý trả dần khoản tiền vay gốc, không đồng ý trả khoản tiền lãi. Việc ngân hàng tính lãi với gia đình ông là không hợp lý vì ngày 08-3-2012 ngân hàng đã đến gia đình ông niêm phong tài sản, do chưa có điều kiện trả nợ nên vợ ông xin ở nhờ tài sản thế chấp để trả nợ dần đồng thời đã thông báo cho ngân hàng biết gia đình không có điều kiện để trả lãi. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, ông đồng ý phát mại tài sản là nhà đất đã thế chấp ở thôn TA, xã LH để thu hồi khoản vay gốc còn lại.

Tại bản tự khai, các văn bản khác và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D trình bày: Ngày 07-12-2010 ông Phạm Văn T (là chồng bà) có ký hợp đồng tín dụng với NN NN và PTNT VN chi nhánh NAD Hải Phòng để vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay vốn để vợ chồng bà mua bán thuốc lá, chăn nuôi lợn, bò thu lợi nhuận. Để đảm bảo số tiền đã vay, vợ chồng ông bà đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng 363m<sup>2</sup> đất cùng toàn bộ tài sản trên đất hiện tại cũng như hình thành trong Tờng lai tại thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327, do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T thế chấp cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp này là của vợ chồng bà cùng hai con Phạm Thị M, Phạm Thị D. Do làm ăn không thuận lợi, chăn nuôi bị dịch bệnh kéo dài dẫn đến vợ chồng ông bà không có khả năng trả nợ. Ngày 08-3-2012 ngân hàng đã đến gia đình bà niêm phong tài sản, sau đó bà đã xin ngân hàng cho ở nhờ tài sản thế chấp để trả nợ dần và đã được ngân hàng chấp thuận. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải thanh toán trả số tiền gốc và khoản lãi trong hạn lãi quá hạn và lãi phát sinh bà đồng ý trả dần số tiền vay gốc, không đồng ý trả khoản tiền lãi. Trước đó, gia đình bà đã thông báo cho ngân hàng biết về việc không thể trả gốc sau khi hết hạn hợp đồng, đồng thời đề nghị ngân hàng phát mại tài sản, tuy nhiên ngân hàng không phát mại tài sản dẫn đến số tiền lãi tăng lên nhiều. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 20-6-2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị D thống nhất trình bày: Các chị là con của ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D. Ngày 07-12-2010 ông Phạm Văn T vay ngân hàng nông

nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh NAD Hải Phòng số tiền là 400.000.000 đồng, loại tiền vay VND; mục đích vay để mua bán thuốc lào, kết hợp chăn nuôi lợn, bò; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 20,4%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí phát sinh theo hợp đồng, ông T, bà D đã thế chấp bằng giá trị tài sản là toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng 363m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà của gia đình cùng các tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong Tơng lai tại thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996. Sau khi hết hạn vay cũng là thời điểm lợn có dịch bệnh. Việc chăn nuôi, buôn bán của gia đình gặp nhiều khó khăn nên không trả được khoản nợ đã vay ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình các chị phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 12-12-2019 gồm 394.750.000 đồng tiền gốc; 692.770.041 tiền lãi và lãi phát sinh từ ngày 13-12-2019 đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ, gia đình chị không đồng ý trả khoản lãi vì khi hết hạn hợp đồng tín dụng, gia đình đã cho ngân hàng niêm phong tài sản, do ngân hàng không phát mại tài sản nên mức lãi tăng lên quá nhiều. Mặt khác, gia đình các chị đã thông báo với ngân hàng về việc không có khả năng trả nợ gốc. Đề nghị ngân hàng khoan khoản nợ gốc đưa ra ý kiến lộ trình hợp lý thỏa đáng để gia đình có thể thanh toán hết khoản vay của ngân hàng.

Quá trình tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại văn bản số 63/2020/KN-TT ngày 03-8-2020 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc NN NN và PTNT VN chi nhánh NAD Hải Phòng yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D phải trả số nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 20-5-2020 bao gồm: Nợ gốc 394.750.000 đồng, tổng nợ lãi tạm tính là 732.245.042 đồng, tổng cộng 1.126.995.042 đồng, gia đình ông T đồng ý trả dần khoản vay gốc, không đồng ý trả khoản lãi, vì ngày 08-3-2012 ngân hàng đã cùng chính quyền địa phương xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng tiến hành lập biên bản niêm phong và quản lý tài sản thế chấp của gia đình ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết tạo điều kiện để gia đình ông T trả dần số tiền vay gốc còn lại và xin khoản tiền lãi. Việc phát mại tài sản đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Tài sản thế chấp là diện tích đất 363m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 197; 198; địa chỉ thửa đất: Thôn Lạng Am, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Hiện trạng tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây cấp 4 lợp ngói mũi; 01 khu xay sát thóc gạo lợp ngói proximang; 01 khu chăn nuôi; 01 cổng lợp proximang; 01 lán lợp tôn kéo dài từ sát nhà chính đến hết cổng. Diện tích đất này đã được UBND huyện VB, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18-10-1996.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, cũng như các hoạt động tố tụng khác; về việc thu thập chứng cứ: Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ yêu cầu của Tòa án như không tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên hòa giải, tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với hợp đồng tín dụng: Ngân hàng và ông Phạm Văn T ký hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, việc ký kết hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 121, 122, 123, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 322, 323, 342, 401, 402, 471, 474, 476 BLDS 2005, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 106, điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai 2003; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D phải trả nợ NN NN và PTNT VN số tiền vay gốc còn lại là 394.750.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07-8-2020 là 751.735.823 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 509.871.354 đồng, lãi quá hạn: 241.864.469 đồng; tổng cộng là 1.146.485.823 đồng và lãi phát sinh từ ngày 08-8-2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 2118LAV 201001537 ngày 07-12-2010 đã ký giữa ngân hàng và ông Phạm Văn T. Nếu ông T bà D không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho NN NN và PTNT VN thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị 363m<sup>2</sup> đất tại thửa số 197, 198, tờ bản đồ số 10 cùng tài sản trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D; nếu

thiếu thì vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng

Về án phí: NN NN và PTNT VN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Lạng Am, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Ông Phạm Văn T có dự án vay vốn để sản xuất kinh doanh, mục đích vay tiền của ông T để buôn bán thuốc lá, chăn nuôi lợn, bò thu lợi nhuận. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Việc NN NN và PTNT VN khởi kiện đối với ông Phạm Văn T trong thời hạn pháp luật quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa ngày 19-6-2020, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này đề nghị Tòa án đưa bổ sung chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị D tham gia tố tụng với T cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và thông báo bổ sung người tham gia tố tụng đồng thời yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu, đề nghị của mình. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị M, chị Phạm Thị D chỉ có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về pháp luật áp dụng: NN NN và PTNT VN và ông Phạm Văn T ký kết Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201001537 ngày 07-12-2010; Ngân hàng và vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D ký hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07-12-2010. Các bên đã xác lập giao dịch và thực hiện giao dịch trước ngày

Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng quy định của BLDS số 33/2005/QH11; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

- Về nội D vụ án:

[4] Xét hợp đồng tín dụng số 2118LAV2010001537 ngày 07 tháng 12 năm 2010. Ông Phạm Văn T thừa nhận là người đã trực tiếp ký hợp đồng tín dụng nêu trên với NN NN và PTNT VNchi nhánh NAD Hải Phòng để vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: Vợ chồng ông mua bán thuốc Lào, kết hợp chăn nuôi lợn, bò để thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông Phạm Văn T rút tiền vay lần đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng là ngày 09-12-2010; lãi suất vay: 20,4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn tại thời điểm. Về hình thức và nội D của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ngân hàng và ông Phạm Văn T phù hợp với quy định tại các Điều 121,122 BLDS năm 2005. Do vậy hợp đồng tín dụng số 2118LAV2010001537 ngày 07 tháng 12 năm 2010 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời hạn trả nợ, ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D không thanh toán trả ngân hàng như cam kết. Ngày 08-3-2012 ngân hàng cùng với chính quyền địa phương xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng đã đến gia đình ông Phạm Văn T niêm phong tài sản, sau đó gia đình ông T xin ở nhờ tài sản thế chấp để trả nợ dần và được ngân hàng chấp nhận. Gia đình ông T mới thanh toán trả ngân hàng được số tiền gốc là 5.250.000 đồng; các lần thanh toán trả tiền gốc: Ngày 09-12-2011 trả 5.000.000 đồng; ngày 28-11-2014 trả 50.000 đồng; ngày 31-01-2015 trả 100.000 đồng; ngày 23-6-2015 trả 100.000 đồng và trả được số tiền lãi là 65.386.667 đồng; cụ thể: ngày 15-12-2010 trả 1.586.667 đồng; ngày 19-01-2001 trả 8.400.000 đồng; ngày 08-02-2011 trả 4.800.000 đồng; ngày 01-3-2011 trả 5.040.000 đồng; ngày 30-4-2011 trả 14.400.000 đồng; ngày 31-8-2011 trả 31.160.000 đồng. Từ ngày 10-12-2011, bên vay đã phát sinh nợ quá hạn khoản vay gốc và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Như vậy ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Vì vậy, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu xử lý nợ là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong hạn, lãi quá hạn tại hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phù hợp với chính sách lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, quy định lãi suất cho vay trong hệ thống của ngân hàng. Lãi suất quá hạn được áp dụng bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về mức lãi suất vay, lãi suất quá hạn của các bên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này không đồng ý trả khoản tiền lãi là không có căn cứ, không được chấp nhận. Từ những phân tích trên đây, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền



vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 BLDS 2005; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D phải trả cho ngân hàng số tiền vay gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng là 394.750.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07-8-2020 là 751.735.823 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 509.871.354 đồng, lãi quá hạn: 241.864.469 đồng, tổng cộng là 1.146.485.823 đồng và lãi phát sinh từ ngày 08-8-2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đồng.

[6] Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07 tháng 12 năm 2010 được dùng bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201001537 ngày 07 tháng 12 năm 2010 giữa bên thế chấp là vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D, bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Tài sản thế chấp là 363m<sup>2</sup> đất ở cùng toàn bộ tài sản trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T. Về nguồn gốc tài sản vợ chồng ông Phạm T bà Đỗ Thị D mang thế chấp: Theo tài liệu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện VB và UBND xã LH huyện VB, thành phố Hải Phòng cung cấp thì đất ở của gia đình ông T sử dụng từ trước năm 1993. Tại sổ mục kê đất, ông Phạm Văn T có hai thửa đất gồm: Thửa 197, diện tích 228m<sup>2</sup> là đất thổ cư; thửa 198; diện tích 162m<sup>2</sup> là đất ao. Tại sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Phạm Văn T có 02 thửa đất; thửa 197; 198; tờ bản đồ số 10, đã được UBND huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T, diện tích được cấp là 363m<sup>2</sup>. Ngày 07-10-2010 vợ chồng ông Phạm Văn T bà Đỗ Thị D đã tự nguyện đem tài sản nói trên bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nợ cả gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có. Thời điểm thế chấp tài sản các con của ông T, bà D là chị Phạm Thị M 17 tuổi, chị Phạm Thị D 12 tuổi. Hợp đồng thế chấp chỉ có vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D ký thế chấp, hợp đồng thế chấp này đã được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng nội dung, hình thức phù hợp quy định tại các điều 122, 123, 342, 343, 348, 349, 355, 715 BLDS 2005. Vợ chồng ông T bà D là người nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, thừa nhận có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản là chủ sở hữu hợp pháp tài sản. Điều đó khẳng định, tài sản thế chấp là của vợ chồng ông T bà D, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07-12-2010 có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông T, bà D phải thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản này. Nếu ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản nêu trên để thu hồi nợ là đúng với sự thỏa thuận, phù hợp với Điều 299, Điều 323, khoản 7 Điều 351, 355 BLDS 2005; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 21, 56,

58, 68, 71 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh NAD Hải Phòng nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp đủ và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 121, 122, 123, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 322, 323, 342, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1 Điều 106, điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NN NN và PTNT VN

Xử buộc vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D phải trả cho NN NN và PTNT VN số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201001357 ngày 07 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền tính đến ngày 07 tháng 8 năm 2020 là 1.146.485.823 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi năm nghìn, tám trăm hai ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 394.750.000.000 đồng; lãi trong hạn: 509.871.354 đồng; lãi quá hạn: 241.864.469 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08-8-2020) vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-2010001357 ngày 07 tháng 12 năm 2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay

thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền lãi, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự T ơng ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Nếu ông Phạm Văn T , bà Đỗ Thị D không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho NN NN và PTNT VN thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 97/HĐTC ngày 07-12-2010 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Phạm Văn T , bà Đỗ Thị D . Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 363m<sup>2</sup> đất cùng toàn bộ tài sản trên đất hiện tại cũng như hình thành trong T ơng lai tại thửa đất số 197, 198, tờ bản đồ số 10. Địa chỉ thửa đất: Thôn TA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 41327 do UBND huyện VB cấp ngày 18-10-1996 mang tên ông Phạm Văn T để thu hồi nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho vợ chồng ông Phạm Văn T , bà Đỗ Thị D ; nếu thiếu thì vợ chồng ông Phạm Văn T , bà Đỗ Thị D phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

### 3. Về án phí:

NN NN và PTNT VN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng 22.313.000 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số 0008121 ngày 26 tháng 02 năm 2020.

Vợ chồng ông Phạm Văn T bà Đỗ Thị D phải chịu 46.394.575 đồng (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi năm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: NN NN và PTNT VN đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ngân hàng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,  
TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự  
huyện VB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**